TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2021/HNGĐ – ST
Ngày:28/4/2021
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Lâm Ngọc Hà
- Ông Nguyễn Văn Ngư

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 310/2020/TLST – HNGĐ ngày 11/12/2020; Về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị L với anh Trần Văn T cưới nhau năm 2000, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Trần Văn L1, sinh năm 2001 và Trần Thanh T1, sinh ngày 11/6/2005. Đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình và các con, thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đạp chị khi xảy ra cự cãi với nhau, nên giữa chị với anh T đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh T không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau, hai bên không còn quan tâm, không còn tình cảm

với nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu Trần Thanh T1, còn cháu Trần Văn L1 đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy tiệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Trần Văn T, không công nhận quan hệ sống chung giữa chị L và anh T là vợ chồng, về con chung giao cháu Trần Thanh T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chị L không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T. Xét thấy, anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Văn T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L với anh Trần Văn T cưới nhau năm 2000, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập chị L mỗi khi xảy ra cự cãi với nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân hơn 03 năm nay. Theo chị L hiện nay giữa chị với anh T không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn lại tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau, nên chị L nộp đơn xin ly hôn với chị Bi. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị L với anh Trần Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo chị L trình bày, vào khoảng đầu năm 2017 giữa chị với anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không lo làm ăn, chăm sóc con cái, mỗi lần cự cải với nhau là anh T bạo lực gia đình, nên cuộc sống gia đình của chị với anh T không còn hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, động viên để hai bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và giải thích hậu quả pháp lý về việc quan hệ hôn nhân của anh chị chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu, cương quyết xin ly hôn với anh T, vì theo chị L là không còn tình cảm với anh T, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau do hai bên đã ly thân hơn 03 năm nay, không có quan tâm đến nhau, còn bị đơn anh T đều vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Xét yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị L với anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và chị L vẫn cương quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: Chị L với anh T có 02 con chung, cháu Trần Văn L1 đã trưởng thành, còn cháu Trần Thanh T1, sinh năm 2005, hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng ngày 29/12/2020 đối với cháu T1 thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ (chị L) và chị L là người trực tiếp đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, còn anh T không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị L, nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn của chị L là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị L.

Do Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 11/6/2005 cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho anh Trần Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị Nguyễn Thị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008471 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị L đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với anh Trần Văn T thời hạn kháng các được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha